

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HS-ST

Ngày: 15-3-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Xuân.

2. Ông Nguyễn Duy Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 05/2/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 16/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/HSST-QĐ ngày 01/3/2024, đối với bị cáo:

Phạm Thị H (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 10/10/1961, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1929 (đã chết) và bà Đặng Thị M, sinh năm 1931 (đã chết); chồng Đặng Việt Đ, sinh năm 1958 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2024. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đặng Thị A, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà *, ngõ *, đường H, khu M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số nhà *, đường B, khu M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thanh V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Bà Hà Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn T, xã Sà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2022, Phạm Thị H nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân. Phạm Thị H sử dụng tiền cá nhân của mình để cho người khác vay theo hình thức “*Bát họ*”. Khi có nhu cầu vay tiền, người vay sẽ gặp trực tiếp hoặc gọi điện thoại để hỏi vay, hai bên thống nhất số tiền, lãi suất, thời hạn vay; sau đó, Phạm Thị H đưa tiền và ghi vào sổ các thông tin (tên người vay, ngày vay, số tiền vay) tuy nhiên không ghi lãi suất. Phạm Thị H trực tiếp cắt tổng số tiền lãi mỗi khoản vay trong thời hạn 30 ngày trên nợ gốc, hàng ngày người vay đến trả trực tiếp mỗi lần 400.000 đồng cho đến hết 30 ngày. Kết quả điều tra và tại phiên tòa làm rõ:

1. Phạm Thị H đã cho bà Hoàng Thanh V vay 04 lần vào các ngày 22/02/2022, 01/7/2022, 06/5/2023, 11/9/2023; mỗi lần cho vay số tiền 24.000.000 đồng, thỏa thuận cắt luôn số tiền lãi 4.000.000 đồng (tương đương mức lãi suất 202,78%/năm). Người vay đã trả đủ tiền gốc (mỗi ngày 800.000 đồng); số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS) là 20% tương ứng 1.578.082 đồng, nên xác định số tiền thu lợi bất chính 14.421.918 đồng.

2. Phạm Thị H đã cho bà Lê Thị Thu H vay 04 lần vào các ngày 02/6/2022, 20/7/2022, 27/8/2022, 25/11/2022; mỗi lần cho vay số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận cắt luôn số tiền lãi 2.500.000 đồng (tương đương mức lãi suất 253,47%/năm). Người vay đã trả đủ tiền gốc (mỗi ngày 400.000 đồng); số tiền lãi tối đa theo quy định của BLDS là 20% tương ứng 789.041 đồng, nên xác định số tiền thu lợi bất chính 9.210.959 đồng.

3. Phạm Thị H đã cho bà Hà Thị L vay 06 lần vào các ngày 05/8/2022, 08/10/2022, 02/01/2023, 03/3/2023, 14/6/2023, 08/10/2023; mỗi lần cho vay số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận cắt luôn số tiền lãi 2.500.000 đồng (tương đương mức lãi suất 253,47%/năm). Người vay đã trả đủ tiền gốc (mỗi ngày 400.000 đồng); số tiền lãi tối đa theo quy định của BLDS là 20% tương ứng 1.183.562 đồng, nên xác định số tiền thu lợi bất chính 13.816.438 đồng.

4. Phạm Thị H đã cho bà Hoàng Thị Th vay 06 lần vào các ngày 05/8/2022, 10/10/2022, 12/01/2023, 06/3/2023, 18/7/2023, 22/11/2023; mỗi lần cho vay số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận cắt luôn số tiền lãi 2.500.000 đồng (tương đương mức lãi suất 253,47%/năm). Người vay đã trả đủ tiền gốc 05 lần đầu (mỗi ngày 400.000 đồng), lần thứ 6 đã trả được 8.800.000 đồng, còn nợ 3.200.000 đồng tiền gốc; số tiền lãi tối đa theo quy định của BLDS là 20% tương ứng 1.183.562 đồng, nên xác định số tiền thu lợi bất chính 13.816.438 đồng.

5. Phạm Thị H đã cho bà Nguyễn Thị Lệ H vay 03 lần vào các ngày 02/9/2022, 15/10/2022, 20/11/2022; mỗi lần cho vay số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận cắt luôn số tiền lãi 2.500.000 đồng (tương đương mức lãi suất 253,47%/năm). Người vay đã trả đủ tiền gốc (mỗi ngày 400.000 đồng); số tiền lãi tối đa theo quy định của BLDS là 20% tương ứng 591.781 đồng, nên xác định số tiền thu lợi bất chính 6.908.219 đồng.

6. Phạm Thị H đã cho bà Đặng Thị A vay 06 lần vào các ngày 28/9/2022, 18/02/2023, 04/7/2023, 03/8/2023, 02/9/2023, 02/10/2023; mỗi lần cho vay số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận cắt luôn số tiền lãi 2.000.000 đồng (tương đương mức lãi suất 202,78%/năm). Người vay đã trả đủ tiền gốc (mỗi ngày 400.000 đồng); số tiền lãi tối đa theo quy định của BLDS là 20% tương ứng 1.183.562 đồng, nên xác định số tiền thu lợi bất chính 10.816.438 đồng.

Quá trình điều tra thu 01 quyển sổ tay có 15 trang viết chữ, số thể hiện nội dung cho vay tiền, 02 chiếc bút bi, 01 chiếc điện thoại di động có lắp sim số 0347998129. Đối với số tiền lãi thu lợi bất chính, Phạm Thị H đã tự nguyện trả lại cho bà Đặng Thị A 10.816.000 đồng, bà Hoàng Thị Th 13.816.000 đồng; những người còn lại yêu cầu Phạm Thị H phải hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho họ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố Phạm Thị H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 36, 50 Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên Phạm Thị H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhật Tiến, huyện Hữu Lũng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo là người cao tuổi (63 tuổi) và là lao động tự do không có thu nhập ổn định.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP, xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 392.800.000 đồng tiền gốc để cho vay và 6.509.589 đồng tiền lãi hợp pháp mà những người vay đã trả; buộc bà Hoàng Thị Th nộp 3.200.000 đồng là số tiền gốc vay của bị cáo nhưng trả cho bị cáo; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia. Tịch thu tiêu hủy 02 bút bi. Lưu theo hồ sơ 01 quyển sổ tay có 15 trang viết chữ, số thẻ hiện nội dung cho vay.

Về biện pháp tư pháp: Ghi nhận sự tự nguyện của Phạm Thị H đã trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho bà Đặng Thị A 10.816.000 đồng, bà Hoàng Thị Th 13.816.000 đồng; buộc Phạm Thị H trả lại số tiền thu lợi bất chính cho bà Hoàng Thanh V 14.421.918 đồng, bà Hà Thị L 13.816.438 đồng, bà Lê Thị Thu H 9.210.959 đồng, Nguyễn Thị Lệ H 6.908.219 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đối đáp. Lời nói sau cùng của bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và cam kết tuân thủ đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, Điều tra viên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, riêng Lê Thị Thu H vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt không gây trở ngại đến việc xét xử; mặt khác những người này cũng đã có lời khai, yêu cầu đề nghị của họ tại Cơ quan điều tra và được công bố lời khai tại phiên tòa. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người liên quan, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 11 năm 2023, Phạm Thị H đã cho 06 người (người

ít nhất 03 lần, nhiều nhất 06 lần) vay tiền với lãi suất từ 202,78%/năm - 253,47%/năm; tổng số tiền gốc cho vay 396.000.000 đồng, tổng số tiền lãi thu được 75.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự 6.509.589 đồng và số tiền thu lợi bất chính 68.990.411 đồng.

[4] Bị cáo cho người khác vay tiền dưới hình thức vay “*Bát họ*”, mỗi bát Phạm Thị H cho vay số tiền 12.000.000 đồng hoặc 24.000.000 đồng và cắt lãi ngay từ ngày vay, hạn trả nợ gốc trong thời hạn 30 ngày. Đối với số tiền vay 12.000.000 đồng bị cáo cắt lãi 2.5000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 253,47%/01 năm, vượt quá 12,67 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 trong Bộ luật dân sự; còn lại một số khoản vay 12.000.000 đồng hoặc 24.000.000 đồng, bị cáo cắt lãi 2.000.000 đồng - 4.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 202,78%/ 01năm, vượt quá 10,14 lần mức lãi suất hợp pháp.

[5] Hành vi của Phạm Thị H đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần chồng chất, gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích háms lợi nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Đảm bảo căn cứ chứng minh bị cáo đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo để xem xét, quyết định hình phạt:

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự; đã ly hôn chồng, tự kiếm sống nuôi bản thân trong khi tuổi đã cao.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện thái độ thực sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng và đã tự nguyện trả lại một phần số tiền thu lợi bất chính; tại phiên tòa bị cáo tự nguyện, cam kết sẽ tiếp tục trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay còn lại. Do vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Hình phạt chính: Bị cáo lần đầu phạm tội với tính chất mức độ thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trong khi không có tình tiết tăng nặng và có 03 tình tiết giảm nhẹ; bị cáo có đơn xin được giảm nhẹ hình phạt

do tuổi đời đã cao (63 tuổi), sống đơn thân, không có nghề nghiệp công việc thu nhập ổn định. Biên bản xác minh và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có tài sản riêng nên không đảm bảo căn cứ áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo do không khả thi trong thi hành bản án. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy việc xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ, ấn định thời gian gần mức khởi điểm của khung hình phạt đã đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo là người cao tuổi (63 tuổi) và là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên miễn thực hiện khấu trừ thu nhập.

[11] Căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cần áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm, cụ thể như sau:

[12] Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền gốc 396.000.000 đồng bị cáo dùng để cho vay và số tiền lãi 6.509.589 đồng tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự) mà bị cáo đã thu của những người vay do là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm. Buộc bị cáo có nghĩa vụ, trách nhiệm hoàn trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính 68.990.411 đồng do đã chiếm đoạt của 06 người vay tiền; xác nhận Phạm Thị H đã trả cho bà Đặng Thị A 10.816.000 đồng, bà Hoàng Thị Th 13.816.000 đồng.

[13] Về nghĩa vụ dân sự: Theo hợp đồng thỏa thuận khoản vay có lãi và trả tiền gốc mỗi ngày 400.000 đồng trong thời hạn 30 ngày đối với mỗi khoản vay, tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Th chưa trả số tiền gốc 3.200.000 đồng trong khi đó Phạm Thị H đã tự nguyện hoàn trả bà Hoàng Thị Th số tiền 13.816.000 đồng tiền lãi thu lợi bất chính. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của Phạm Thị H, buộc bà Hoàng Thị Th có nghĩa vụ trả lại số tiền gốc còn nợ, chưa thanh toán hết; không xem xét tiền lãi do không có yêu cầu.

[14] Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử lý vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội gồm 01 quyển sổ tay có 15 trang viết chữ, sổ thể hiện nội dung cho vay tiền vì là công cụ thực hiện hành vi phạm tội. Tịch thu hoá giá 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, lắp sim số kèm theo do là phương tiện liên lạc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 02 bút bi không còn giá trị sử dụng.

[15] Đề nghị luận tội và các căn cứ áp dụng, xử lý các vấn đề liên quan của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với các nhận định nêu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Bị cáo là người bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 32; các điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 280, 463, 466; các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh và hình phạt.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 01 (một) năm 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nhật Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị phạt cải tạo không giam giữ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trong việc giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị H.

2. Các biện pháp tư pháp.

2.1 Truy thu số tiền 402.510.000đ (bốn trăm linh hai triệu, năm trăm mười

ng nghìn đồng-đã làm tròn) của bị cáo Phạm Thị H để nộp Ngân sách nhà nước.

2.2 Buộc bị cáo Phạm Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Hoàng Thanh V số tiền 14.422.000đ (mười bốn triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng-đã làm tròn), bà Hà Thị L số tiền 13.816.000đ (mười ba triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng-đã làm tròn), bà Lê Thị Thu H số tiền 9.211.000đ (chín triệu, hai trăm mười một nghìn đồng-đã làm tròn) và bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền 6.908.000đ (sáu triệu, chín trăm linh tám nghìn đồng-đã làm tròn).

Xác nhận Phạm Thị H đã trả lại, thanh toán đủ cho bà Hoàng Thị Th số tiền 13.816.000 đ (mười ba triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng) và bà Đặng Thị A 10.816.000đ (mười triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng).

3. Xử lý vật chứng.

3.1. Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 quyển sổ tay bìa màu đen có 15 trang viết chữ, số thể hiện nội dung cho vay tiền.

3.2. Tịch thu, hoá giá nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số Imei 5 số cuối là 55194, lắp sim số kèm theo.

3.3. Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc bút bi bằng mực đen, còn mực, trên thân bút có dòng chữ “matixs F0-024” và 01 chiếc bút bi bằng mực xanh, còn mực, trên thân bút có dòng chữ “TL-023 Ball Point Pen” đều đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và được mô tả chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/02/2024).

4. Nghĩa vụ dân sự: Buộc bà Hoàng Thị Th có nghĩa vụ, trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không chịu trả hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (theo các tiểu mục 2.2 + mục 4 của quyết định bản án) thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Mạnh Cường